



## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Tháng 9/2019

### I/ Tình hình thị trường tháng 8/2019:

#### 1) Tổng quan thị trường:

Thị trường Pakistan trong tháng 8/2019 nổi bật với sản xuất hàng công nghiệp giảm, sản xuất nông nghiệp tăng, xuất khẩu giảm, nhập khẩu giảm. Đồng Rupi tăng giá nhẹ.

Tháng 8/2019 sản xuất công nghiệp giảm 7,06 % so với cùng kỳ năm trước và giảm 4,08 % so với tháng 7/2019.

Tháng 8/2019 đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 83 triệu USD, tăng 13,7 % với tháng 7/2019. Dự trữ ngoại hối đạt 15,64 tỷ USD, tăng 3,3 %. Kiều hối đạt 1,70 tỷ USD, giảm 16,6 %. Lạm phát 11,6 %, tăng 12,6 %.

Tính đến hết tháng 6/2019 tổng số nợ công là 402 tỷ USD, tăng 5,42 % so với tháng 3/2019, chiếm 104 % GDP trong đó nợ trong nước là 229 tỷ USD, tăng 13,13 %. Nợ nước ngoài là 173 tỷ USD, tăng 16,8 %.

Đồng rupi tăng giá nhẹ 0,47%. Tỷ giá USD/rupi tháng 8/2019 là 1 USD = 158,07 ru-pi.

Xuất khẩu tháng 8/2019 đạt 1,86 tỷ USD, giảm 7,65 % so với cùng kỳ năm trước. Từ tháng 7-8/2019 xuất khẩu đạt 3,75 tỷ USD, tăng 2,79 %.

Nhập khẩu tháng 8/2019 đạt 3,66 tỷ USD, giảm 26,26 % so với cùng kỳ năm trước. Từ tháng 7-8/2019 nhập khẩu đạt 7,86 tỷ USD, giảm 21,41%.

Tháng 8/2019 xuất khẩu của Việt nam sang Pakistan đạt 29.115.670 USD, giảm 6,8 % so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu 8 tháng đạt 223.116.226 USD, giảm 17,24 %.

Tháng 8/2019 nhập khẩu của Việt nam từ Pakistan đạt 11.386.367 USD, giảm 23,57 % so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu 8 tháng đạt 109.392.972 USD, giảm 3,45 %.

## 2) Chi tiết thị trường:

Tháng 8/2019 sản xuất dệt may giảm 0,17 %, than và xăng dầu giảm 10,04 %, dược phẩm giảm 16,81 %, khoáng sản phi kim loại giảm 11,35 %, ô tô giảm 32,80 %, sắt thép giảm 17,71 %, điện tử tăng 67,75 %, giấy giảm 6,00 %, cơ khí tăng 38,59 %, sản phẩm cao su tăng ,16 %, thực phẩm đồ uống và thuốc lá giảm 16,70 %, hóa chất giảm 10,74 %, phân bón tăng 15,64 %, đồ da giảm 8,33 %, sản phẩm gỗ giảm 42,96 %.

Bông đã bắt đầu được thu hoạch ở tỉnh Sindh và một số vùng gieo trồng sớm của tỉnh Punjab. Sâu bệnh hại bông đang phát triển. Tuy nhiên nông dân và các trung tâm phòng trừ dịch bệnh áp dụng các biện pháp phòng trừ, kiểm soát tốt dịch bệnh. Giá bông tháng 8/2019 giảm trên thị trường quốc tế, trung bình chỉ đạt 71,44 xu/lb, so với 94,62 xu/lb tháng 8/2018 chủ yếu do chiến tranh thương mại Mỹ-Trung Quốc. Trên thị trường Pakistan, giá bông trung bình trong tháng 8/2019 là khoảng 8523 Rs./40kg so với 9119 Rs./40kg tháng 8/2018, giảm 6,53% ( 295,50 Rs./40kg). Giá bông trên thị trường quốc tế giảm cũng làm ảnh hưởng đến giá bông ở thị trường trong nước.

Mía vẫn đang trong giai đoạn chăm bón phát triển tốt.

Lúa thường đã chuẩn bị được thu hoạch ở những vùng gieo trồng sớm.

Tháng 7-8/2019 xuất khẩu nông sản đạt 650,26 triệu USD, tăng 14,3 % so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu gạo đạt 590 nghìn tấn trị giá 333 triệu USD, tăng 47,65 % về lượng và 48,64 % về trị giá; Xuất khẩu dệt may đạt 2,3 tỷ USD, tăng 2,30 %; Xuất khẩu dầu và than đạt 48,8 triệu USD, giảm 50,10 %; Xuất khẩu hàng công nghiệp đạt 547 triệu USD, giảm 2,74 %. Xuất khẩu hóa chất và dược phẩm đạt 162 triệu USD, giảm 10,63 %.

Tháng 7-8/2019 nhập khẩu lương thực thực phẩm đạt 697,3 triệu USD, giảm 26,81 %; Nhập khẩu máy móc đạt 1,72 tỷ USD, tăng 8,23 %; Nhập khẩu phương tiện vận tải đạt 320 triệu USD, giảm 35,93 %; Nhập khẩu xăng dầu đạt 1,94 tỷ USD, giảm 26,75 %; Nhập khẩu dệt may đạt 323,3 triệu USD, giảm 29,47 %; Nhập khẩu hóa chất đạt 1,23 tỷ USD, giảm 23,31 %; Nhập khẩu sắt thép kim loại màu đạt 686,5 triệu USD, giảm 25,95 %.

Các mặt hàng xuất nhập khẩu Việt nam-Pakistan 8 tháng 2019:

STT	Mặt hàng	VNXK (USD)	STT	Mặt hàng	VNNK (USD)
1	Chè	52.774.217	1	Vải các loại	21.369.579
2	Xơ, sợi dệt các loại	22.188.791	2	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	16.109.086
3	Hạt tiêu	20.811.773	3	Xơ, sợi dệt các loại	4.925.800
4	Hạt điều	244.735	4	Dược phẩm	12.118.114
5	Sắt thép các loại	20.286.037	5	Bông các loại	5.205.856
6	Hàng thủy sản	4.493.838	6	Hàng hóa khác	49.664.538
7	Cao su	5.251.140			
8	Sản phẩm hóa chất	5.481.885			
9	Sắn và sản phẩm sắn	331.838			
10	Sản phẩm sắt thép	1.309.348			
11	Điện thoại và các loại linh kiện	18.965.017			
12	Máy móc thiết bị	7.666.206			
13	Phương tiện vận tải và phụ tùng	3.970.911			
14	Hàng hóa khác	59.340.489			
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>223.116.226</b>		<b>Tổng cộng:</b>	<b>109.392.972</b>

## **II/ Cảnh báo phòng vệ thương mại, biến động thị trường, các thay đổi về chính sách kinh tế, thương mại:**

Thu ngân sách quý 1 của năm tài chính 2019-2020 có nguy cơ không đạt mức cam kết với IMF, buộc chính phủ sẽ phải cắt giảm đầu tư công để giảm chi ngân sách. Mặc dù vậy chính phủ vẫn hy vọng nông nghiệp là cứu cánh giúp GDP vượt chỉ tiêu 2,4 %, thậm chí đạt tới 3,5 % với triển vọng sản lượng bông tăng 3 triệu kiện nhờ diện tích trồng bông tăng 14,7 %, sản lượng gạo vượt mức 7,2 triệu tấn của năm trước nhờ vào mùa mưa kéo dài.

Lãnh đạo FPCCI phê phán chính sách kinh tế của chính phủ đang gây thiệt hại cho khu vực công nghiệp và thương mại: Nhiều nhà máy bị đóng cửa, nhiều doanh nghiệp bị vỡ nợ, thất nghiệp và nghèo đói tăng. Đặc biệt sản xuất và kinh doanh ô tô giảm 50 %, dẫn đến sa thải nhân viên hàng loạt trong ngành ô tô.

## **III/ Dự báo tình hình thị trường tháng 9/2019:**

Sản xuất công nghiệp tiếp tục giảm, sản xuất nông nghiệp tiếp tục tăng. Xuất khẩu giảm, nhập khẩu giảm. Đồng rúp tăng giá.

## **IV/ Thông báo:**

### **1/ Tìm người bán:**

Nhu cầu:

1. TEXTIEL DYES & CHEMICAL

2. LAB EQUIPMENTS & CONSUMABLES
3. SECURITY EQUIPMENTS
4. COMPRESSORS & INVERTERS
5. RACKING SOLUTION
6. IT SOLUTIONS

Địa chỉ liên hệ:

**Ms. Shahida Parveen**

**D.G.M (S & PROD.)**

**B-66/A, S.I.TE AREA, KARACHI-75700**

**PAKISTAN**

**Tel #+92-21-32550093-98 / Call #+92-300-2471872**

**E-mail:** shahida@vawda.com; farid@vawda.com

**Web site:** [www.vawda.com](http://www.vawda.com)

*2/ Tìm người mua:*

## **VI/ Thông tin chuyên đề:**

*Nhập khẩu tơ sợi của Pakistan năm 2018:*

Partner	Trade Value	NetWeight (kg)
World	\$1,438,179,537	\$330,256,699
India	\$47,025,807	\$14,647,636
Viet Nam	\$34,716,441	\$14,887,817

Partner	Code	Trade Value	NetWeight (kg)
World	5401	\$15,751,308	0
India	5401	\$703,216	179,259
Viet Nam	5401	\$13,420	3,795
World	5402	\$365,844,136	0
Viet Nam	5402	\$34,519,622	14,842,899
India	5402	\$5,115,960	1,292,589
World	5403	\$198,301,004	41,398,224
India	5403	\$1,825,828	378,301
Viet Nam	5403	\$66,134	16,733
World	5404	\$5,053,297	1,153,235
India	5404	\$32,118	31,920
Viet Nam	5404	\$1,934	405
World	5405	\$2,383	640
World	5406	\$29,313	8,848
World	5407	\$134,626,271	N/A
India	5407	\$2,166,187	0
Viet Nam	5407	\$70,730	6,011
World	5408	\$4,288,411	230,282
India	5408	\$2,611,895	177,368

World	5501	\$23,716,474	10,515,139
World	5502	\$50,834,417	10,998,355
World	5503	\$120,010,410	74,565,551
World	5504	\$380,212,178	184,497,490
India	5504	\$7,998,866	3,184,749
World	5505	\$387,226	449,451
World	5506	\$9,887,928	4,717,959
World	5507	\$485	190
World	5508	\$591,592	0
India	5508	\$2,334	1,151
World	5509	\$81,020,766	0
India	5509	\$22,109,764	8,996,584
Viet Nam	5509	\$44,601	17,974
World	5510	\$5,160,966	1,721,005
India	5510	\$513,505	133,322
World	5511	\$847	330
World	5512	\$2,242,146	0
India	5512	\$4,893	335
World	5513	\$566,598	0
India	5513	\$9,338	803
World	5514	\$5,824,253	N/A
India	5514	\$650,275	0
World	5515	\$5,768,166	0
India	5515	\$3,268,809	269,956
World	5516	\$28,058,962	N/A
India	5516	\$12,819	1,299